

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO 27/2015/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2015

ĐẾN Số: 8529
Ngày: 16/3
Chuyển:

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về xét tặng danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú”

VP. SỞ GDĐT HÀ NỘI

ĐẾN Số: 13-3-15
Ngày: 13-3-15

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6
năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen
thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ
sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về xét tặng danh hiệu “Nhà
giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú”.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định đối tượng, tiêu chuẩn, hội đồng xét tặng, thủ tục
xét tặng danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú”.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục bao gồm:

a) Giáo viên, giảng viên (sau đây gọi chung là nhà giáo) trực tiếp làm
nhiệm vụ nuôi dạy, giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục
phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học, giáo dục thường xuyên,
nhà trường và các cơ sở giáo dục khác quy định tại Điều 49, Điều 61,
Điều 62, Điều 63, Điều 64 và Điều 69 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều
của Luật Giáo dục (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục);

b) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các cơ sở giáo dục quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này; viên chức làm nhiệm vụ quản lý tại các phòng, ban, viện, trung tâm (không có chức năng đào tạo), văn phòng thuộc các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; cán bộ, công chức Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo; công chức chuyên trách làm công tác quản lý dạy nghề Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; cán bộ, công chức chuyên trách công tác quản lý giáo dục các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi chung là Bộ); nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục được điều động, bổ nhiệm làm cán bộ công đoàn giáo dục (sau đây gọi chung là cán bộ quản lý giáo dục);

c) Nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đã nghỉ theo chế độ bảo hiểm xã hội giữa hai lần xét tặng liền kề với năm xét tặng;

d) Nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đã nghỉ theo chế độ bảo hiểm xã hội tiếp tục giảng dạy, quản lý cơ hữu tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập.

2. Tổ chức, cá nhân liên quan tới hoạt động xét tặng danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú”.

Điều 3. Nguyên tắc xét tặng

1. Bảo đảm chính xác, công bằng, công khai, dân chủ, tự nguyện trong việc xét tặng danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú”.

2. Việc xét tặng danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú” phải chú trọng tới nhà giáo trực tiếp nuôi dạy, giảng dạy; nhà giáo là nữ; nhà giáo công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Điều 4. Thời gian xét tặng và công bố danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú”

Danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú” được xét tặng ba năm một lần và công bố vào dịp kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20 tháng 11.

Điều 5. Trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của cá nhân, cơ quan, tổ chức

1. Trách nhiệm kê khai, xác nhận thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú”:

a) Nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị định này chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin đã kê khai trong hồ sơ;

b) Cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục có nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục được đề nghị xét tặng danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú” thực hiện xét tặng theo quy định tại Nghị định này và chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ đề nghị lên Hội đồng cấp trên.

2. Quyền và nghĩa vụ của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục được phong tặng danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú”:

a) Được hưởng các quyền lợi theo quy định của pháp luật;

b) Có nghĩa vụ giữ gìn hiện vật được khen thưởng; tiếp tục phát huy phẩm chất đạo đức, không ngừng hoàn thiện tri thức và tài năng sư phạm, là gương sáng cho học trò và đồng nghiệp noi theo.

Điều 6. Tổ chức trao tặng

Các Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) tổ chức Lễ trao tặng danh hiệu cho các “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú” được Chủ tịch nước phong tặng theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Kinh phí tổ chức xét tặng và tiền thưởng

1. Kinh phí tổ chức xét tặng để thực hiện các hoạt động sau:

a) Xây dựng, triển khai kế hoạch của Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú” (sau đây gọi chung là Hội đồng);

b) Trả thù lao cho thành viên Hội đồng, thư ký Hội đồng các cấp và việc thẩm định hồ sơ đề nghị xét tặng;

c) Tổ chức các phiên họp Hội đồng;

d) Công bố kết quả xét chọn của Hội đồng trên các phương tiện thông tin đại chúng để lấy ý kiến nhân dân;

đ) Hợp báo công bố kết quả xét chọn của Hội đồng các cấp;

e) Tổ chức Lễ trao tặng;

g) Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí tổ chức xét tặng danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú” được quy định như sau:

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm bố trí kinh phí cho các hoạt động xét tặng của Hội đồng cấp Nhà nước và các chi phí khác liên quan theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

b) Cấp nào quyết định thành lập Hội đồng thì cấp đó có trách nhiệm bố trí kinh phí cho hoạt động xét tặng và các chi phí khác liên quan theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Tiền thưởng kèm theo danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú” được ngân sách nhà nước cấp qua các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

Chương II

TIÊU CHUẨN DANH HIỆU

“NHÀ GIÁO NHÂN DÂN”, “NHÀ GIÁO ƯU TÚ”

Điều 8. Tiêu chuẩn danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”

Danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân” được xét tặng cho các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị định này đã được phong tặng danh hiệu “Nhà giáo Ưu tú” và đạt các tiêu chuẩn cụ thể sau:

1. Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương nơi cư trú.

2. Có phẩm chất đạo đức tốt, tâm huyết, tận tụy với nghề, là tấm gương sáng, là nhà giáo mẫu mực, tiêu biểu, xuất sắc nhất có ảnh hưởng rộng rãi trong ngành và xã hội, được người học, đồng nghiệp và nhân dân kính trọng; đi đầu trong việc đổi mới quản lý giáo dục, phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; quản lý, giảng dạy đạt chất lượng, hiệu quả cao.

3. Đã được 01 lần tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua” cấp tỉnh, bộ hoặc giáo viên, giảng viên dạy giỏi cấp tỉnh, bộ; được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trở lên (riêng đối với giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở có 02 lần được tặng Bằng khen cấp tỉnh, bộ trở lên).

4. Có sáng kiến hoặc đề tài nghiên cứu khoa học được quy định cụ thể với từng đối tượng như sau:

a) Giáo viên mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp nghề và trung cấp, trung tâm hỗ trợ giáo dục hòa nhập, trường giáo dưỡng:

Chủ trì 03 sáng kiến hoặc 01 đề tài nghiên cứu khoa học đã được áp dụng có hiệu quả trong giảng dạy, giáo dục, được hội đồng sáng kiến, hội đồng khoa học cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp nghiệm thu.

b) Giảng viên cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, trường của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân:

Chủ trì 03 sáng kiến hoặc 02 đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, bộ hoặc 02 nhánh đề tài nghiên cứu khoa học cấp quốc gia được hội đồng sáng kiến, hội đồng khoa học cấp tỉnh, bộ, cấp quốc gia nghiệm thu, được ứng dụng vào thực tiễn đem lại hiệu quả thiết thực; chủ biên 02 giáo trình hoặc chủ biên 01 giáo trình và tham gia biên soạn 02 giáo trình môn học được sử dụng trong giảng dạy, đào tạo, hoặc tác giả 01 sách chuyên khảo hoặc tác giả chính 02 sách chuyên khảo; tác giả chính 05 bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước hoặc quốc tế;

Giảng viên các đại học, trường đại học, học viện, viện khoa học có đào tạo trình độ tiến sĩ đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điểm này và hướng dẫn chính 02 nghiên cứu sinh đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ hoặc hướng dẫn 05 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ, bác sĩ chuyên khoa cấp II, bác sĩ nội trú.

c) Cán bộ quản lý giáo dục:

Chủ trì 02 sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, bộ hoặc 02 nhánh đề tài nghiên cứu khoa học cấp quốc gia được hội đồng sáng kiến, hội đồng khoa học cấp tỉnh, bộ, cấp quốc gia nghiệm thu, được ứng dụng vào thực tiễn đem lại hiệu quả thiết thực hoặc tham gia soạn thảo 04 văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành theo quyết định phân công của người có thẩm quyền.

Người đứng đầu và cấp phó người đứng đầu đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điểm này và tập thể do cá nhân quản lý phải đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc 02 năm liền kề năm đề nghị xét tặng.

5. Nhà giáo có thời gian trực tiếp nuôi dạy, giảng dạy từ 20 năm trở lên. Cán bộ quản lý giáo dục có thời gian công tác trong ngành từ 25 năm trở lên, trong đó có 15 năm trở lên trực tiếp nuôi dạy, giảng dạy.

Điều 9. Tiêu chuẩn danh hiệu “Nhà giáo Ưu tú”

Danh hiệu “Nhà giáo Ưu tú” được xét tặng cho các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị định này và đạt các tiêu chuẩn cụ thể sau:

1. Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương nơi cư trú.

2. Có phẩm chất đạo đức tốt, tâm huyết, tận tụy với nghề, là tấm gương sáng, là nhà giáo mẫu mực, tiêu biểu, xuất sắc có ảnh hưởng rộng rãi trong ngành và xã hội, được người học, đồng nghiệp và nhân dân kính trọng; đi đầu trong việc đổi mới quản lý giáo dục, phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; quản lý, giảng dạy đạt chất lượng, hiệu quả cao.

3. Đã 07 lần được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” hoặc 07 lần được tặng danh hiệu giáo viên, giảng viên dạy giỏi cùng cấp hoặc 07 lần được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và giáo viên, giảng viên dạy giỏi cùng cấp, trong đó có lần liền kề năm đề nghị xét tặng; 01 lần được tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, bộ hoặc danh hiệu giáo viên, giảng viên dạy giỏi cấp tỉnh, bộ; 01 lần được tặng Bằng khen cấp tỉnh, bộ.

Đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, các huyện nghèo được áp dụng hưởng chính sách như quy định đối với vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: Đã 05 lần được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” hoặc 05 lần được tặng danh hiệu giáo viên dạy giỏi cùng cấp hoặc 05 lần được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và giáo viên dạy giỏi cùng cấp, trong đó có lần liền kề năm đề nghị xét tặng.

4. Tài năng sư phạm, sáng kiến hoặc đề tài nghiên cứu khoa học được quy định cụ thể với từng đối tượng như sau:

a) Giáo viên mầm non:

Đảm bảo chất lượng và hiệu quả nuôi dạy trẻ; chăm sóc, giáo dục trẻ đạt chất lượng cao, giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng; có thành tích xuất sắc trong công tác phổ cập, góp phần thu hút trẻ đến trường; thực hiện xuất sắc mục tiêu, yêu cầu của ngành học giáo dục mầm non; hướng dẫn, vận động được nhiều cha mẹ các cháu nuôi dưỡng, chăm sóc con theo phương pháp khoa học; được cha mẹ các cháu tín nhiệm; giúp đỡ được 02 giáo viên trở thành giáo viên dạy giỏi cấp huyện trở lên;

Chủ trì 02 sáng kiến về đổi mới phương pháp chăm sóc, giáo dục trẻ đã được áp dụng có hiệu quả cao trong trường, được hội đồng sáng kiến cấp huyện nghiệm thu.

b) Giáo viên tiểu học, trung học cơ sở:

Có thành tích xuất sắc trong công tác phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở; giảng dạy, giáo dục đạt chất lượng và hiệu quả cao; phát huy được năng lực, tính chủ động, sáng tạo, hợp tác của học sinh trong học tập; giúp đỡ được 02 giáo viên trở thành giáo viên dạy giỏi cấp huyện trở lên;

Chủ trì 02 sáng kiến về đổi mới phương pháp dạy học, giáo dục học sinh đã được áp dụng có hiệu quả cao trong trường, được hội đồng sáng kiến cấp huyện nghiệm thu.

c) Giáo viên trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung tâm hỗ trợ giáo dục hòa nhập, trường giáo dưỡng:

Giảng dạy, giáo dục đạt chất lượng và hiệu quả cao; phát huy được năng lực, tính chủ động, sáng tạo, hợp tác của người học; giúp đỡ được 02 giáo viên trở thành giáo viên dạy giỏi cấp trường trở lên;

Chủ trì 02 sáng kiến hoặc 02 đề tài nghiên cứu khoa học đã được áp dụng hiệu quả trong giảng dạy, giáo dục, được hội đồng sáng kiến, hội đồng khoa học cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp nghiệm thu.

d) Giáo viên cơ sở giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp và trung cấp:

Giảng dạy, giáo dục đạt chất lượng và hiệu quả cao; có nhiều đóng góp trong việc đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy học; có ít nhất 05 học sinh giỏi về lý thuyết và kỹ năng thực hành; giúp đỡ được 02 giáo viên có trình độ nghiệp vụ và tay nghề giỏi cấp trường trở lên;

Chủ trì 02 sáng kiến hoặc 02 đề tài nghiên cứu khoa học đã được áp dụng hiệu quả trong giảng dạy, giáo dục, được hội đồng sáng kiến, hội đồng khoa học cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp nghiệm thu.

đ) Giáo viên trường chính trị tỉnh, cơ sở bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của các Bộ:

Giảng dạy đạt chất lượng, hiệu quả cao; có nhiều đóng góp trong việc đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy học để nâng cao chất lượng giáo dục và hiệu quả đào tạo; giúp đỡ được 02 giáo viên dạy giỏi cấp trường trở lên;

Chủ trì 02 sáng kiến hoặc 02 đề tài nghiên cứu khoa học đã được áp dụng có hiệu quả trong giảng dạy, được hội đồng sáng kiến, hội đồng khoa học cấp tỉnh, bộ nghiệm thu; biên soạn 02 tập bài giảng được hội đồng khoa học cấp trường nghiệm thu đưa vào giảng dạy.

e) Giảng viên các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng:

Giảng dạy, hướng dẫn sinh viên, học viên đổi mới phương pháp học tập, nghiên cứu khoa học, thực hành, thực tập đạt chất lượng và hiệu quả cao; có nhiều đóng góp trong việc đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy học;

Chủ trì 03 sáng kiến hoặc 02 đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, bộ hoặc 02 nhánh đề tài nghiên cứu khoa học cấp quốc gia được hội đồng sáng kiến, hội đồng khoa học cấp tỉnh, bộ, cấp quốc gia nghiệm thu, được ứng dụng vào thực tiễn đem lại hiệu quả thiết thực; chủ biên 01 giáo trình hoặc tham gia biên soạn 02 giáo trình môn học được sử dụng trong giảng dạy, hoặc tác giả của 01 sách chuyên khảo hoặc tác giả chính 02 sách chuyên khảo; tác giả chính 05 bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước hoặc quốc tế;

Giảng viên các đại học, trường đại học, học viện, viện khoa học có đào tạo trình độ tiến sĩ đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều này và hướng dẫn chính 02 nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ hoặc hướng dẫn 05 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ, bác sĩ chuyên khoa cấp II, bác sĩ nội trú.

g) Cán bộ quản lý giáo dục:

Chủ trì 03 sáng kiến hoặc 02 đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, bộ hoặc 02 nhánh đề tài nghiên cứu khoa học cấp quốc gia được hội đồng sáng kiến, hội đồng khoa học cấp tỉnh, bộ, cấp quốc gia nghiệm thu, được ứng dụng vào thực tiễn đem lại hiệu quả thiết thực hoặc tham gia soạn thảo 04 văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành theo quyết định phân công của người có thẩm quyền; tác giả chính 05 bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước hoặc quốc tế.

Đối với cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung tâm hỗ trợ giáo dục hòa nhập, trường giáo dưỡng, công chức công tác tại Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo, công chức làm công tác chuyên trách quản lý dạy nghề Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: Chủ trì 03 sáng kiến đã được áp dụng có hiệu quả trong quản lý, giảng dạy, giáo dục, được hội đồng sáng kiến của cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp nghiệm thu.

Người đứng đầu và cấp phó người đứng đầu đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều này và tập thể do cá nhân quản lý phải đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc 02 năm liền kề năm đề nghị xét tặng.

h) Nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, các huyện nghèo được áp dụng hưởng chính sách như quy định đối với vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn:

Nhà giáo đi đầu trong đổi mới phương pháp dạy học, giáo dục của đơn vị; có tinh thần khắc phục khó khăn xây dựng trường lớp, vận động được nhiều học sinh đến trường; chăm lo, giúp đỡ học sinh trong học tập; chủ trì 02 sáng kiến được áp dụng vào thực tiễn giảng dạy, giáo dục trong nhà trường; giúp đỡ được 02 giáo viên dạy giỏi cấp trường trở lên;

Cán bộ quản lý giáo dục đi đầu trong đổi mới quản lý giáo dục ở địa phương; có tinh thần khắc phục khó khăn xây dựng trường lớp, vận động được nhiều học sinh đến trường; có 02 sáng kiến được ứng dụng vào thực tiễn đem lại hiệu quả thiết thực, được hội đồng sáng kiến của cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp nghiệm thu;

Người đứng đầu và cấp phó người đứng đầu đạt các tiêu chuẩn quy định đối với cán bộ quản lý giáo dục tại Điểm này và tập thể do cá nhân quản lý phải đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc năm liền kề năm đề nghị xét tặng.

5. Nhà giáo có thời gian trực tiếp nuôi dạy, giảng dạy từ 15 năm trở lên. Cán bộ quản lý giáo dục có thời gian công tác trong ngành từ 20 năm trở lên, trong đó có 10 năm trở lên trực tiếp nuôi dạy, giảng dạy.

Điều 10. Các thành tích được thay thế tiêu chuẩn sáng kiến, đào tạo tiến sĩ áp dụng xét tặng danh hiệu “Nhà giáo Ưu tú”

1. Nhà giáo trực tiếp giảng dạy, bồi dưỡng được 01 học sinh, sinh viên đoạt Huy chương Vàng, Bạc, Đồng hoặc đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong các kỳ thi quốc tế; giải Nhất, Nhì, Ba trong các kỳ thi quốc gia được tính là có 01 sáng kiến cấp tỉnh, bộ.

2. Nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục tham gia biên soạn chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông đã được nghiệm thu, được tính là có sáng kiến cấp tỉnh, bộ.

3. Nhà giáo đạt giải Nhất trong các hội thi tay nghề ở cấp nào thì được tính là có sáng kiến ở cấp đó.

4. Giảng viên các đại học, trường đại học, học viên không được giao nhiệm vụ đào tạo tiến sĩ được thay thế bằng một trong những thành tích sau:

Hướng dẫn 03 sinh viên đoạt Huy chương Vàng, Bạc, Đồng hoặc đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong các kỳ thi quốc tế; hướng dẫn 05 sinh viên đoạt Huy chương Vàng, Bạc, Đồng hoặc đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong các kỳ thi quốc gia; hướng dẫn 05 công trình nghiên cứu khoa học của sinh viên đạt giải “Tài năng khoa học trẻ” hoặc “Giải thưởng Tuổi trẻ sáng tạo” cấp bộ.

5. Nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục giảng dạy các ngành, chuyên ngành đặc thù được tính thay thế tiêu chuẩn sáng kiến theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Chương III HỘI ĐỒNG XÉT TẶNG DANH HIỆU “NHÀ GIÁO NHÂN DÂN”, “NHÀ GIÁO ƯU TÚ”

Điều 11. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú”

1. Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú” được thành lập ở từng cấp Hội đồng, theo từng lần xét và giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

2. Các cấp Hội đồng

a) Hội đồng cấp cơ sở;

b) Hội đồng cấp huyện, Hội đồng sở giáo dục và đào tạo, Hội đồng Đại học vùng, Hội đồng Đại học quốc gia (gọi chung là Hội đồng cấp huyện);

c) Hội đồng cấp tỉnh, cấp Bộ;

d) Hội đồng cấp Nhà nước.

3. Cá nhân đang là đối tượng xét tặng danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú” không tham gia các cấp Hội đồng.

4. Số lượng thành viên Hội đồng các cấp tối thiểu là 11, trong đó có thành viên là “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú” hoặc giáo viên, giảng viên dạy giỏi hoặc Chiến sĩ thi đua cơ sở, Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, bộ.

5. Các cuộc họp của Hội đồng được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng tham dự. Trường hợp vắng mặt, thành viên Hội đồng phải được Chủ tịch Hội đồng đồng ý và gửi lại phiếu bầu.

6. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc dân chủ, công khai và bỏ phiếu kín.

7. Cá nhân được đề nghị xét tặng danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú” phải đạt từ 90% số phiếu đồng ý trở lên trên tổng số thành viên Hội đồng.

8. Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú” ở mỗi cấp có Tổ thư ký, do Chủ tịch Hội đồng quyết định thành lập. Tổ Thư ký có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, tổng hợp kết quả thẩm dò dư luận; gửi tài liệu, hồ sơ đề nghị xét tặng đến các thành viên Hội đồng và tổ chức cuộc họp của Hội đồng.

9. Hội đồng cấp dưới có trách nhiệm báo cáo Hội đồng cấp trên kết quả giải quyết đơn, thư (nếu có) đối với các cá nhân được đề nghị xét tặng.

10. Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú” được sử dụng con dấu của cơ quan người có thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng. Hội đồng cấp Nhà nước được sử dụng con dấu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 12. Hội đồng cấp cơ sở

Hội đồng cấp cơ sở được tổ chức tại các cơ sở giáo dục, các cơ quan, đơn vị (gọi chung là đơn vị) có cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú”.

1. Thành phần Hội đồng gồm: Người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu đơn vị là Chủ tịch Hội đồng, một cấp phó của người đứng đầu và Chủ tịch công đoàn đơn vị là Phó Chủ tịch Hội đồng; trường các bộ phận có liên quan thuộc đơn vị, 03 “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú” hoặc giáo viên, giảng viên dạy giỏi hoặc Chiến sĩ thi đua cơ sở, Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, bộ làm ủy viên.

2. Người đứng đầu đơn vị quyết định thành lập Hội đồng.

3. Đối tượng xét là các cá nhân đạt từ 80% trở lên số phiếu giới thiệu của công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị.

4. Hội đồng hoạt động theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 16 Nghị định này.

Điều 13. Hội đồng cấp huyện

1. Hội đồng cấp huyện

a) Thành phần Hội đồng gồm: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện làm Chủ tịch, Trưởng phòng Phòng Giáo dục và Đào tạo làm Phó Chủ tịch thường trực, Chủ tịch công đoàn ngành giáo dục cấp huyện làm Phó Chủ tịch; 01 Phó Trưởng phòng Phòng Giáo dục và Đào tạo, công chức phụ trách chuyên môn, tổ chức cán bộ Phòng Giáo dục và Đào tạo, 03 “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú” hoặc giáo viên dạy giỏi cấp huyện trở lên làm ủy viên;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Giáo dục và Đào tạo;

c) Đối tượng xét là các cá nhân được Hội đồng cơ sở đề nghị;

d) Hội đồng hoạt động theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 16 Nghị định này.

2. Hội đồng Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Thành phần Hội đồng gồm: Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo làm Chủ tịch, một Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo làm Phó Chủ tịch thường trực, Chủ tịch công đoàn giáo dục cấp tỉnh làm Phó Chủ tịch; các Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, đại diện lãnh đạo một sở, ban, ngành có cá nhân đề nghị xét tặng, đại diện lãnh đạo văn phòng, các phòng chức năng có liên quan của Sở Giáo dục và Đào tạo, 03 “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú” hoặc giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh làm ủy viên;

b) Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập Hội đồng;

c) Đối tượng xét là các cá nhân được Hội đồng cơ sở ở các đơn vị, cơ sở giáo dục trực thuộc các sở, ngành đề nghị;

d) Hội đồng hoạt động theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 16 Nghị định này.

3. Hội đồng Đại học quốc gia, Đại học vùng

a) Thành phần Hội đồng gồm: Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Đại học làm Chủ tịch, 01 Phó Giám đốc làm Phó Chủ tịch thường trực, Chủ tịch công đoàn Đại học làm Phó Chủ tịch; Hiệu trưởng các trường thành viên, đại diện lãnh đạo văn phòng, các ban có liên quan, 03 “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú” làm uỷ viên;

b) Giám đốc Đại học quyết định thành lập Hội đồng;

c) Đối tượng xét là các cá nhân được Hội đồng cơ sở của các đơn vị thành viên đề nghị;

d) Hội đồng hoạt động theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 16 Nghị định này.

Điều 14. Hội đồng cấp tỉnh, cấp Bộ

1. Hội đồng cấp tỉnh

a) Thành phần Hội đồng gồm: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm Chủ tịch, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo làm Phó Chủ tịch thường trực, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh làm Phó Chủ tịch; các Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch công đoàn giáo dục cấp tỉnh, đại diện lãnh đạo một số sở, ban, ngành có cá nhân đề nghị xét tặng, đại diện lãnh đạo văn phòng, các phòng chức năng có liên quan của Sở Giáo dục và Đào tạo, 03 “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú” làm uỷ viên;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Hội đồng theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo;

c) Đối tượng xét là các cá nhân được Hội đồng cấp huyện, Hội đồng Sở Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng cơ sở của các trường trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Hội đồng cơ sở của các trường đại học, cao đẳng tư thục đóng trên địa bàn tỉnh đề nghị;

d) Hội đồng hoạt động theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 16 Nghị định này.

2. Hội đồng cấp Bộ

a) Thành phần Hội đồng gồm: Bộ trưởng hoặc Thứ trưởng làm Chủ tịch, 01 Thứ trưởng và Chủ tịch công đoàn ngành (nếu có) làm Phó Chủ tịch; người đứng đầu cơ quan, đơn vị chức năng có liên quan thuộc Bộ; 01 đại diện lãnh đạo Hội đồng cấp cơ sở trực thuộc Bộ; 03 “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú” hoặc Chiến sĩ thi đua cấp bộ làm uỷ viên;

b) Bộ trưởng quyết định thành lập Hội đồng;

c) Đối tượng xét là các cá nhân được Hội đồng cấp cơ sở trực thuộc Bộ đề nghị;

Hội đồng Bộ Giáo dục và Đào tạo xét các cá nhân được Hội đồng cơ sở trực thuộc Bộ, Hội đồng Đại học quốc gia và Hội đồng cấp tỉnh đề nghị;

d) Hội đồng hoạt động theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 16 Nghị định này.

Điều 15. Hội đồng cấp Nhà nước

1. Thành phần Hội đồng gồm: Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo làm Chủ tịch Hội đồng, Thứ trưởng phụ trách công tác thi đua, khen thưởng, Bộ Giáo dục và Đào tạo làm Phó Chủ tịch thường trực, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương làm Phó Chủ tịch; Chủ tịch Công đoàn Giáo dục Việt Nam, đại diện lãnh đạo một số Bộ có nhà giáo đề nghị xét tặng, Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, 03 "Nhà giáo Nhân dân", "Nhà giáo Ưu tú" làm ủy viên.

2. Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập Hội đồng theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Đối tượng xét là các cá nhân được Hội đồng cấp Bộ đề nghị.

4. Hội đồng hoạt động theo quy định tại Khoản 2, Điểm a và b Khoản 3 Điều 16 Nghị định này; hoàn thiện hồ sơ quy định tại Khoản 3 Điều 17 Nghị định này, gửi Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương thẩm định trước khi trình Thủ tướng Chính phủ.

Chương IV

THỦ TỤC XÉT TẶNG DANH HIỆU

"NHÀ GIÁO NHÂN DÂN", "NHÀ GIÁO ƯU TÚ"

Điều 16. Trình tự xét tặng danh hiệu "Nhà giáo Nhân dân", "Nhà giáo Ưu tú"

1. Giới thiệu và lấy phiếu tín nhiệm

a) Người đứng đầu đơn vị cơ sở thông báo đến công chức, viên chức trong đơn vị (bao gồm cả đối tượng quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 2 Nghị định này) tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu "Nhà giáo Nhân dân", "Nhà giáo Ưu tú" quy định tại Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định này. Các cá nhân tự giới thiệu và giới thiệu những người có đủ tiêu chuẩn. Người đề nghị xét tặng danh hiệu "Nhà giáo Nhân dân", "Nhà giáo Ưu tú" chuẩn bị bản khai thành tích cá nhân;

b) Người có đủ tiêu chuẩn đề nghị xét tặng danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú” gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại Khoản 1 Điều 17 Nghị định này trực tiếp hoặc qua bưu điện về cơ quan, đơn vị đang công tác hoặc cơ quan, đơn vị đã công tác trước khi về nghỉ theo chế độ bảo hiểm xã hội;

c) Người đứng đầu đơn vị triệu tập cuộc họp toàn thể công chức, viên chức, người lao động làm việc hợp đồng có thời hạn từ 12 tháng trở lên trong đơn vị. Cuộc họp được coi là hợp lệ khi có ít nhất 3/4 số công chức, viên chức, người lao động dự họp;

d) Người đứng đầu đơn vị thông báo thành tích của từng cá nhân đề nghị xét tặng, tổ chức việc thảo luận, lấy phiếu tín nhiệm bằng hình thức bỏ phiếu kín. Kết quả lấy phiếu tín nhiệm được công bố công khai. Đối với cơ sở giáo dục có số công chức, viên chức và người lao động từ 200 trở lên, việc giới thiệu và lấy phiếu tín nhiệm được thực hiện tại các tập thể có tổ chức Đảng và công đoàn bộ phận. Cá nhân đạt số phiếu tín nhiệm từ 80% trở lên được đưa vào danh sách xét chọn.

2. Tổ chức thẩm định hồ sơ và thăm dò dư luận

a) Tổ thư ký thẩm định hồ sơ và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quyết định công bố danh sách cá nhân đề nghị xét tặng bằng hình thức niêm yết công khai và đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị (riêng Hội đồng cấp Nhà nước đăng tải danh sách đề nghị xét tặng trên trang thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Cổng thông tin điện tử của Chính phủ trong thời gian ít nhất là 10 ngày làm việc để lấy ý kiến nhân dân);

b) Tổ thư ký tổng hợp kết quả thẩm định hồ sơ, kết quả thăm dò dư luận; gửi tài liệu, hồ sơ đề nghị xét tặng đến các thành viên Hội đồng và tổ chức cuộc họp Hội đồng.

3. Họp Hội đồng và hoàn thiện hồ sơ

a) Hội đồng thẩm định về tính chính xác, hợp lệ của hồ sơ; các tiêu chuẩn của cá nhân theo danh hiệu đề nghị đối với quy định tại các Điều 8, Điều 9 Nghị định này;

b) Hội đồng xử lý kiến nghị của các tổ chức, cá nhân (nếu có), thảo luận và tiến hành bỏ phiếu kín để chọn cá nhân có đủ tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú”;

c) Hội đồng hoàn thiện hồ sơ quy định tại Khoản 2 Điều 17 Nghị định này, gửi lên Hội đồng cấp trên.

Điều 17. Hồ sơ xét tặng danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú”

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng của cá nhân gồm:

a) Bản khai thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú” theo Mẫu số 01 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Các tài liệu chứng minh thành tích công hiến trong hoạt động chuyên môn, nghiên cứu khoa học và những đóng góp đối với sự nghiệp giáo dục và đào tạo gồm bản sao: Giấy chứng nhận của cơ quan quản lý có thẩm quyền đối với sáng kiến; biên bản nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học; trang bìa giáo trình có ghi tên tác giả và nhà xuất bản; bằng chứng nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng có liên quan đến tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú”; danh mục bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước hoặc quốc tế.

2. Hội đồng cấp dưới gửi Hội đồng cấp trên 01 bộ hồ sơ, gồm:

a) Tờ trình của Chủ tịch Hội đồng theo Mẫu số 02 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Danh sách đề nghị xét tặng danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú” theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Báo cáo tóm tắt thành tích cá nhân theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

d) Biên bản họp Hội đồng theo Mẫu số 05 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

đ) Hồ sơ đề nghị xét tặng của cá nhân quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Hội đồng cấp Nhà nước gửi 03 bộ hồ sơ đề Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương thẩm định trước khi trình Thủ tướng Chính phủ xem xét đề trình Chủ tịch nước quyết định, gồm:

a) Tờ trình của Chủ tịch Hội đồng cấp Nhà nước kèm theo Danh sách đề nghị xét tặng;

b) Tóm tắt thành tích cá nhân có xác nhận của Chủ tịch Hội đồng cấp Nhà nước;

c) Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng cấp Nhà nước.

Chương V **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 18. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 4 năm 2015.

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch xét tặng danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú”; hướng dẫn, kiểm tra công tác xét tặng danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú”.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, TCCV (3b). M 140

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 07 /SY

SAO Y BẢN CHÍNH

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2015

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- Thủ trưởng Phạm Mạnh Hùng (để b/c);
- Chánh Văn phòng (để b/c);
- Các Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Các trường, đơn vị trực thuộc Bộ;
- Các thành viên Hội đồng TĐKT ngành Giáo dục;
- Lưu: VT; TĐKT.



Vũ Đình Giáp